

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/DS-ST
Ngày: 25/7/2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Toan.

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thuỷ Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: 3/7A đường D, tổ 01, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Lưu Xuân H**, sinh năm 1977 và bà **Đào Thị T1**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 01, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà và ông Lưu Xuân H, bà Đào Thị T1 là hàng xóm. Vì tin tưởng nên ông H bà T1 có nhờ bà vay người quen rồi cho ông H bà T1 vay lại, cụ thể như sau:

Ngày 01/9/2023 bà có cho ông Lưu Xuân H, bà Đào Thị T1 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 02 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền là của ông H, bà T1.

Sau đó bà T1 ông H nói mượn giúp ông bà lần nữa để ông bà bán đất và trả hết nên ngày 13/10/2023 bà cho ông H bà T1 vay số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 3 tháng. Lãi suất các bên tự thỏa thuận. Chữ ký người vay tiền là ông Lưu Xuân H nhưng sau khi viết giấy mượn tiền bà chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng TMCP Quân Đội của bà Đào Thị T1.

Từ khi vay đến nay ông H bà T1 không trả lãi cũng như nợ gốc cho bà. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu ông Lưu Xuân H và bà Đào Thị T1 phải trả cho bà số tiền gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm. Tuy nhiên tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông H bà T1 phải trả tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi từ khi vay ngày 01/9/2023 đến ngày xét xử 25/7/2024 với lãi suất 10%/năm là 3.607.306 đồng và tiền gốc 35.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 13/10/2023 đến 25/7/2024 là 2.749.658 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 81.356.964 đồng.

Bị đơn ông Lưu Xuân H và bà Đào Thị T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lưu Xuân H và bà Đào Thị T1; địa chỉ: Tổ 01, phường Y, thành phố P, tỉnh G phải trả số tiền còn nợ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 thì đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lưu Xuân H và bà Đào Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, bà T.

[3] Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, chỉ yêu cầu tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, việc thay đổi đối với yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/9/2023 giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Lưu Xuân H, bà Đào Thị T1 thể hiện có chữ viết và chữ ký của bên mượn tiền ông H bà T, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ, không xác định lãi suất.

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 13/10/2023 giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Lưu Xuân H thì thấy rằng có chữ ký bên mượn là ông Lưu Xuân H, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ, không xác định lãi suất. Mặc dù có chữ ký của bên mượn tiền là ông Lê Xuân H nhưng sau khi viết giấy mượn tiền xong thì bà Nguyễn Thanh T chuyển khoản số tiền 35.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng TMCP Quân Đội của bà Đào Thị T1 do đó xác định khoản nợ này là của ông H và bà T1.

Xét các hợp đồng vay tiền ngày 01/9/2023 và ngày 13/10/2023 giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Lê Xuân H, bà Đào Thị T1 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi và được giao kết hợp pháp. Ông H, bà T1 đã được Tòa án cấp tổng đạt, thông báo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật. Vì từ khi vay đến nay ông H bà T1 không trả gốc và lãi cho bà Nguyễn Thanh T nên bà Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ông H bà T1 phải trả gốc và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm từ khi vay đến thời điểm xét xử hôm nay là có căn cứ theo quy định tại Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T, buộc ông Lê Xuân H và bà Đào Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền gốc là 75.000.000 đồng và tiền lãi 6.356.964 đồng, tổng cộng 81.356.964 đồng.

[5] Về án phí: Vì yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lưu Xuân H và bà Đào Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T, cụ thể như sau:

1. Buộc ông Lưu Xuân H và bà Đào Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền 81.356.964 đồng (Tám mươi một triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn,

chín trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 75.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 25/7/2024 là 6.356.964 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Ông Lưu Xuân H và bà Đào Thị T1 phải chịu 4.067.848 đồng (Bốn triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thanh T 2.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001316 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (25/7/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Loan Phương

